

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh quốc tế  
Tiên tiến, ngành Kinh doanh quốc tế, trình độ đại học hệ  
chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKQTQD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 3 chương trình đào tạo Tiên tiến áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh quốc tế Tiên tiến, ngành Kinh doanh quốc tế, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

**Điều 3.** Trưởng các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Tiên tiến, Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:** *Mh*

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- V.TM&KTQT
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE



**PGS.TS Phạm Hồng Chương**





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

---

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC  
(Chương trình Tiên tiến)**

*(Ban hành theo Quyết định số 1596 ngày 22 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

**Ngành: KINH DOANH QUỐC TẾ**

**Major: International Business**

**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ KINH DOANH  
QUỐC TẾ TIÊN TIẾN**

**Program: International Business Management**

**Mã ngành (Code of Major): 7340120**

**Hệ: CHÍNH QUY**

**Type of Education: Full-time**

**Xây dựng từ chương trình của Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học**

**Tổng hợp Bang California, Long Beach, Hoa Kỳ**

*(Based on the curriculum of the NEU and California State University, Long Beach, USA)*

**HÀ NỘI – 9/2021**

## MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE.....	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES .....	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: .....	4
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT: .....	5
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	5
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: .....	5
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY .....	6
7.1. Cấu trúc kiến thức .....	6
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến) .....	7
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/ INSTRUCTION .....	13

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)*

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM):	CỬ NHÂN KINH DOANH QUỐC TẾ TIÊN TIẾN (ADVANCED BACHELOR OF INTERNATIONAL BUSINESS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KINH DOANH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL BUSINESS)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340120
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

### 1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Mục tiêu đào tạo theo Chương trình Kinh doanh quốc tế Tiên tiến nhằm đào tạo các cử nhân trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế có chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế, có năng lực tổng hợp phân tích và khả năng tổ chức các hoạt động kinh doanh ở trong và ngoài nước trong bối cảnh nền kinh tế thế giới ngày càng cạnh tranh cao và phụ thuộc vào nhau nhiều hơn. Sinh viên tốt nghiệp chương trình Tiên tiến ngành Kinh doanh quốc tế thành thạo về tiếng Anh và có kỹ năng tổ chức các hoạt động kinh doanh quốc tế như: Quản trị thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và mạng sản xuất toàn cầu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn để trở thành các chuyên gia hay các nhà quản lý trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế và các lĩnh vực liên quan.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp vận tải và giao nhận, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics... Sinh viên cũng có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về ngoại thương, xuất nhập khẩu, đầu tư, kinh doanh, thanh toán quốc tế ở cả cấp

Trung ương, địa phương. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tham gia học tập ở bậc cao hơn để trở thành nghiên cứu viên và giảng viên về kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể đảm nhận một số vị trí công việc khác có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

*Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp/ Job opportunity after graduate*

- Làm cán bộ phòng xuất nhập khẩu, phòng đối ngoại, cán bộ kinh doanh, bán hàng, marketing, tài chính và nhân sự cho các công ty đa và xuyên quốc gia, các công ty có vốn FDI.

- Làm việc cho các văn phòng phi chính phủ quốc tế, đại sứ quán hay các cán bộ ngoại thương, quan hệ quốc tế của các Bộ, ban ngành trong nước như Bộ ngoại giao, công thương, bộ KH và ĐT...

- Khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, môi trường kinh doanh quốc tế.

**2. CHUẨN ĐẦU RA/ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES**

Sau khi tốt nghiệp bậc cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế, sinh viên có khả năng:

<b>PLO</b>	<b>Mô tả Explanation</b>	<b>Chi tiết năng lực người học Detailed PLO</b>	<b>Mức độ Bloom level</b>
PLO1	Kiến thức chuyên môn <i>Functional Knowledge</i>	Sinh viên sẽ có thể thể hiện sự hiểu biết về tất cả các chức năng kinh doanh, thực hành và các lý thuyết liên quan và có thể tích hợp kiến thức chức năng này để giải quyết các vấn đề kinh doanh <i>Students will be able to demonstrate understanding of all business functions, practices and related theories and be able to integrate this functional knowledge in order to address business problems</i>	
	PLO 1.1	Nhận biết được những điểm khác biệt cơ bản trong tổ chức kinh doanh ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài <i>Recognize the basic differences between doing business domestically and internationally</i>	III
	PLO 1.2	Giải thích được các lý thuyết về kinh tế, thương mại, thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế <i>Explain theories on economics, trade, international trade and international investment</i>	III
	PLO 1.3	Sử dụng được kiến thức và kinh nghiệm để tham gia, giải quyết và vận hành việc quản trị kinh doanh quốc tế	IV

PLO	Mô tả Explanation	Chi tiết năng lực người học Detailed PLO	Mức độ Bloom level
		<i>Apply to operate international business activities</i>	
	PLO 1.4	Thực hành nghiên cứu, lựa chọn thị trường, nhận dạng và so sánh các phương án trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh quốc tế <i>Practice research, select markets, identify implementations in international business management</i>	IV
	PLO 1.5	Phân tích được các nhân tố tác động và đưa ra các gợi ý, ưu tiên trong việc ra quyết định và tổ chức các hoạt động kinh doanh quốc tế <i>Analyze factors and suggestions in decision-making and structuring international business</i>	IV
PLO2	Môi trường trong nước và toàn cầu <i>Global Learning Assessment</i>	Sinh viên có hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước và toàn cầu ngày nay (ví dụ: pháp lý, quy định, chính trị, văn hóa và kinh tế). <i>Students will be able to demonstrate knowledge of today's domestic and global business environment (e.g., legal, regulatory, political, cultural, and economic).</i>	IV
PLO3	Tư duy đạo đức <i>Ethical reasoning</i>	Sinh viên có khả năng đánh giá các giá trị đạo đức của chính họ và bối cảnh xã hội của các vấn đề, nhận ra các vấn đề đạo đức trong nhiều môi trường khác nhau, suy nghĩ về cách các quan điểm đạo đức khác nhau có thể được áp dụng cho các tình huống khó xử về đạo đức và xem xét sự phân nhánh của các hành động thay thế. <i>Students are be able to assess their own ethical values and the social context of issues, recognize ethical issues in a variety of settings, think about how other ethical perspectives can be applied to ethical dilemmas and consider the ramifications of alternative actions.</i>	III
PLO4	Kỹ năng kỹ thuật <i>Technical Skills</i>	Sinh viên có các kỹ năng định lượng và công nghệ cho phép họ phân tích và giải thích dữ liệu kinh doanh và cải thiện hiệu quả kinh doanh. <i>Students will possess quantitative and technological skills enabling them to analyze and interpret business data and to improve business performance.</i>	IV
PLO5	Khả năng tổng hợp <i>Integrative</i>	Sinh viên có thể tích hợp kinh nghiệm để tạo lập khả năng áp dụng và phân tích kiến thức và kỹ năng từ góc độ tổ chức.	IV

PLO	Mô tả Explanation	Chi tiết năng lực người học Detailed PLO	Mức độ Bloom level
	<i>Learning</i>	<i>Student will be able to intergrate experience that enable to demonstrate the capacity to apply and analyze knowledge and skills from an organizational perspective.</i>	
PLO6	Kỹ năng giao tiếp <i>Communication Skills</i>	Sinh viên có thể thể hiện các kỹ năng viết và giao tiếp bằng tiếng Anh hiệu quả. <i>Students will be able to demonstrate effective written and oral communication skills in English.</i>	IV
PLO7	Kỹ năng làm việc nhóm <i>Teamwork skills</i>	Sinh viên có thể thể hiện các kỹ năng giao tiếp để làm việc trong một thế giới năng động và đa dạng, bao gồm cả trong môi trường nhóm. <i>Students can demonstrate the communication skills to work in a dynamic and diverse world, including in a team setting.</i>	IV
PLO8	Khả năng giải quyết vấn đề <i>Problem solving</i>	Sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức trong những hoàn cảnh mới hoặc cũ và đưa ra các giải pháp sáng tạo để đối phó với những sự kiện không lường trước. <i>Students will be able to apply knowledge in new and an familiar circumstances and devise inovative solutions to cope with an unforeseen events.</i>	IV

### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

**128 tín chỉ**

Khối lượng học tập của chương trình Quản trị Kinh doanh quốc tế Tiên tiến phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 128 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Tiên tiến nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;



Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

#### **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT:**

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình Tiên tiến ngành Kinh doanh quốc tế theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo tiên tiến ngành Kinh doanh quốc tế chuyên sâu Quản trị kinh doanh quốc tế.

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Tiên tiến; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo Tiên tiến ngành chuyên sâu Quản trị kinh doanh quốc tế theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình Tiên tiến ngành Kinh doanh quốc tế.

#### **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

(STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

- **Thời gian đào tạo** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

- **Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình Tiên tiến. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 128 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình Tiên tiến.

#### **6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

## 7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY/ STRUCTURE, CONTENT, AND TEACHING PLAN

### 7.1. Cấu trúc kiến thức

STT No.	Khối kiến thức – Knowledge Foundation	ĐVTC Credits
A	<b>Kiến thức giáo dục đại cương/General Education</b> (Không gồm học phần về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và tăng cường bồi dưỡng tiếng Anh) (Excluding the Military Education, Physical Education and English improvement)	41
A1	<b>Kiến thức bắt buộc /Compulsory Knowledge</b>	29
A2	<b>Kiến thức lựa chọn/ Selected Knowledge</b>	12

<b>B</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp /Professional Education</b>	<b>87</b>
<b>B1</b>	<b>Kiến thức ngành/ Courses in the Major</b>	<b>48</b>
<b>B1.1</b>	<i>Kiến thức bắt buộc của ngành/ Compulsory courses in the Major</i>	<b>45</b>
<b>B1.2</b>	<i>Các học phần tự chọn của ngành/ Selective courses</i>	<b>3</b>
<b>B2</b>	<b>Kiến thức Chuyên ngành/ Courses of Specialization</b>	<b>39</b>
<b>B2.1</b>	Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành/ Compulsory courses of Specialization	12
<b>B2.2</b>	Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành/ Specialization Selective Courses	12
<b>B2.3</b>	Thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá/ Course Project and Graduation Thesis	15
<b>C</b>	<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa/ Total Credits</b>	<b>128</b>

## 7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### Kế hoạch học tập chuẩn

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng dạy Teaching languages	Học kỳ Semester									
						1	2	3	4	5	6	7	8		
<b>A.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG/ General Education</b>															
<b>A1. Các học phần bắt buộc - Compulsory courses</b>				<b>29</b>											
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	Tiếng Việt	3									
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin <i>Political economics of marxism and leninism</i>	2	Tiếng Việt	2									
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	Tiếng Việt	2									
4	4	LLNSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tiếng Việt		2								

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			<i>Vietnam Communist Party History</i>											
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt		2							
		GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	x	Tiếng Việt	x	x	x	x					
		QPCT1101	Giáo dục quốc phòng / <i>Military Education</i>											
		QPCT1102	Công tác quốc phòng an ninh/ <i>Introduction to the</i>											
		QPDL1103	<i>National Defense</i>											
		QPDL1104	Quân sự chung/ <i>General Military Education</i>	x	Tiếng Việt			x						
		QPDL1105	Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense</i>											
			Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ <i>Strategy and Technique of Shooting AK</i>											
6	6	MATH 115	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Calculus for Business</i>	3	Tiếng Anh	3								
7	7	IS 233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng <i>Office Productivity Software</i>	3	Tiếng Anh		3							
8	8	ENGL 100	Viết luận <i>Writing Skills</i>	3	Tiếng Anh		3							
9	9	FLAN 101	Ngoại ngữ 2 (Lựa chọn 1 trong các ngoại ngữ Pháp, Nhật, Nga, Trung, Hàn Quốc) <i>Foreign Language</i>	3			3							
10	10	PSYC 130	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	3	Tiếng Anh			3						

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng dạy Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
11	11	CBA 400	Đạo đức kinh doanh <i>Business Ethics</i>	3	Tiếng Anh			3						
<b>A2. Các học phần của tự chọn/ Selective Courses</b>														
<b>A2-1. Tổ hợp 1: Các học phần thuộc nhóm Nghệ thuật (chọn 1 trong số các học phần sau)</b> <i>Selective courses (select 1 course)</i>				3										
12 a	1	COM 132	Kỹ năng làm việc nhóm <i>Small Group Discussion</i>	3	Tiếng Anh									
12 b	2	DANC 101	Giới thiệu về Nhảy hiện đại <i>Introduction to Modern Dance</i>	3	Tiếng Anh			3						
12c	3	JOUR 104	Giao tiếp truyền thông xã hội <i>Social Media Communication</i>	3	Tiếng Anh									
<b>A2-2. Tổ hợp 2: Các môn học thuộc nhóm nghệ thuật và nhân văn (chọn 1 học phần)</b> <i>Selective courses: Arts and Humanities (select 1 courses)</i>				3										
13 a	1	SSCI 165	Lịch sử văn minh thế giới <i>Regional and People of the World</i>	3	Tiếng Anh									
13 b	2	CWL 100	Văn học thế giới <i>Introduction to World Literature</i>	3	Tiếng Anh			3						
13c	3	GEOG 140	Địa lý kinh tế <i>Introduction to Physical Geography</i>	3	Tiếng Anh									
<b>A2-3. Tổ hợp 3: Các học phần thuộc nhóm Học tập dài hạn và tự phát triển bản thân (chọn 2 học phần)</b> <i>Selective courses: Lifelong Learning and Self Development (select 2 courses)</i>				6										
14 a	1	CAFF 223	Quản lý tài chính cá nhân và gia đình <i>Personal &amp; Family Financial Management</i>	3	Tiếng Anh					3				

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester									
						1	2	3	4	5	6	7	8		
14 b	2	CECS 105, 105H	Giới thiệu về kỹ thuật máy tính và khoa học máy tính <i>Introduction to Computer Engineering and Computer Science</i>	3	Tiếng Anh										
14c	3	C/LA 496	Phương pháp nghiên cứu hành vi <i>Behavioral Research Methods</i>	3	Tiếng Anh										
14 d	4	CE406, 406H	Phân tích chi phí lợi ích của dự án <i>Project Cost-Benefits Analysis</i>	3	Tiếng Anh					3					
<b>B.KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP/ Professional Education Education</b>				<b>87</b>											
<b>B1. Kiến thức ngành/ Courses in the Major</b>				<b>48</b>											
<b>B1-1. Kiến thức bắt buộc của ngành/ Compulsory courses in the Major</b>				<b>45</b>											
15	1	ECON 100	Kinh tế vĩ mô <i>Principles of Macroeconomics</i>	3	Tiếng Anh		3								
16	2	ECON 101	Kinh tế vi mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3	Tiếng Anh	3									
17	3	IS 301	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communication</i>	3	Tiếng Anh					3					
18	4	ACCT 201	Kế toán tài chính căn bản <i>Elementary Financial Accounting</i>	3	Tiếng Anh					3					
19	5	BLAW 220	Giới thiệu về luật và các giao dịch kinh doanh <i>Introduction to Law and Business Transactions</i>	3	Tiếng Anh			3							
20	6	STAT 118	Thống kê kinh doanh <i>Introduction to Business Statistics</i>	3	Tiếng Anh					3					
21	7	MKTG 300	Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh					3					
22	8	HRM 360	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	Tiếng Anh					3					
23	9		Chiến lược và chính sách	3	Tiếng								3		

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
		MGMT 425	kinh doanh <i>Business Strategy and Policy</i>		Anh									
24	10	IS 300	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	3	Tiếng Anh					3				
25	11	MGMT 300	Nguyên lý quản trị <i>Principles of Management</i>	3	Tiếng Anh					3				
26	12	FIN 300	Tài chính kinh doanh <i>Business Finance</i>	3	Tiếng Anh						3			
27	13	CBA 300	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	Tiếng Anh				3					
28	14	MGMT 405	Quản trị quốc tế <i>International and Comparative Management</i>	3	Tiếng Anh				3					
29	15	MGMT406	Chính sách kinh doanh quốc tế <i>International Business Policy</i>	3	Tiếng Anh				3					
<b>B1.2. Các học phần tự chọn của ngành (chọn 1 trong số các môn sau)</b> <i>Selective courses (select 1 course)</i>				3										
30 a	1	ECON 372	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	Tiếng Anh									
30 b	2	ECON 366	Kinh tế phát triển <i>Introduction to Development Economics</i>	3	Tiếng Anh									
30c	3	ECON 306	Các vấn đề môi trường của Kinh tế thế giới <i>Environmental Issues of World Economy</i>	3	Tiếng Anh							3		
30 d	4	A/ST 309	Châu Á và toàn cầu hóa <i>Asia and Globalization</i>	3	Tiếng Anh									
30e	5	ANTH 307	Hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu <i>Modernization in Global Perspective</i>	3	Tiếng Anh									
<b>B2. Kiến thức Chuyên ngành/ Courses of Specialization</b>				39										

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>B2.1. Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành/ Compulsory courses of Specialization</b>				12										
31	1	ACCT 465	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	3								3		
32	2	FIN 490	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3								3		
33	3	MKTG 480	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3									3	
34	4	BLAW 424	Môi trường pháp lý quốc tế trong kinh doanh <i>International Legal Environment of Business</i>	3								3		
<b>B2.2. Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành/ Specialization Selective Courses</b>				27										
<b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong số các học phần sau) Selective courses (4 courses)</b>				12										
35a	1	TMKD1312	Nghiệp vụ ngoại thương <i>Foreign trade Practice</i>	3	Tiếng Anh								3	
35b	2	TMKD1114	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế <i>International Supply Chain Management</i>	3	Tiếng Anh									
35c	3	TMKD1111	Quản trị doanh nghiệp FDI và liên doanh <i>Foreign Direct Investment Company and Joint Venture Management</i>	3	Tiếng Anh								3	
35d	4	NHQT1103	Thanh toán quốc tế <i>International Settlement</i>	3	Tiếng Anh									
35e	5	MGMT 440	Giới thiệu logistics toàn cầu <i>Introduction to global logistics</i>	3	Tiếng Anh								3	
35f	6	HCA 457	Làm việc quanh thế giới <i>Working around the world</i>	3	Tiếng Anh									
35g	7	HRM 460	Một số vấn đề đương đại trong quản trị nhân sự quốc tế	3	Tiếng Anh								3	



TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
			<i>Current issues in International Human Resource Management</i>										
		<b>B2.3. Thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá/ Final Thesis</b>		<b>15</b>									
36	1		Hội thảo/ Đề án về ngành/chuyên ngành <i>Guest Speakers and Seminars/Major research</i>	3	Tiếng Anh						3		
37	2		Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	12	Tiếng Anh								12
			<b>Tổng số TC toàn khóa</b>	<b>128</b>		<b>13</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>21</b>	<b>15</b>	<b>21</b>	<b>15</b>	<b>12</b>

## 8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/ INSTRUCTION

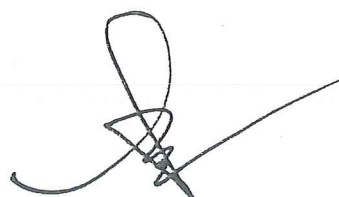
- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Tạ Văn Lợi

PGS. TS. Phạm Hồng Chương